

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày 26/7/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân- gia đình
về ly hôn và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Q

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Đình Trị và ông Nguyễn Công Phúc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc – Thư ký TAND huyện T.

-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 303/2020/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1991.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1988.

Đều có địa chỉ tại: Tổ 16, thôn 3, xã Bình T, huyện T, tỉnh Q.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn năm 2011 nhưng đến năm 2013 đã thuận tình ly hôn. Đến năm 2018, bà H và ông T kết hôn lại và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình T. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm nhau; ông T không lo làm việc mà thường xuyên uống rượu bia. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Bà H nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn ông T.

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Trang N, sinh ngày 20/10/2011. Bà H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Ý kiến của bị đơn:

Mặc dù đã được TAND huyện T tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Đình T cố tình lẩn tránh, không có ý kiến trả lời thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp giao nộp chứng cứ, công khai chứng cứ, các phiên hoà giải và phiên tòa nên không có ý kiến.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên Toà đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng khi vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H và giao con cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] -Về thủ tục tố tụng:

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Đình T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên việc xét xử vắng mặt ông Triều là đúng quy định pháp luật.

[2]-Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Bình T nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; ông T không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên uống rượu bia đến mức say xỉn. Vào năm 2013 vợ chồng đã thuận tình ly hôn nhưng đến năm 2018 đã kết hôn lại nhưng ông T vẫn không sửa chữa khuyết điểm và hiện tại vợ chồng không còn sống chung. Do đó, có căn cứ để

xác định trong thời kỳ hôn nhân ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H ly hôn với ông T.

[3]-Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Trang N, sinh ngày 20/10/2011. Cháu N hiện tại đang sống với bà H và có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà H; bản thân bà H có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy cần giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của cháu N. Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]-Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]-Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, cho bà Lê Thị H ly hôn ông Nguyễn Đình T.

[2].Về con chung:

-Giao cháu Nguyễn Lê Trang N, sinh ngày 20/10/2011 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

-Ông Nguyễn Đình T có quyền thăm con, không ai được cản trở.

[3].Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005711 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4].Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2021). Ông Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã Bình T
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min